

-네요

Ồ, ... quá — nhận ra điều gì đó ngay lúc này

Đánh dấu thông tin vừa mới phát hiện ra ngay lúc nói. Tiếng Việt không có đuôi riêng cho ý này; thay vào đó dùng ngữ điệu và những từ như “ồ”, “thì ra”, “quá nhỉ”.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ hoặc tính từ	-네요	좋다 → 좋네요
Kết thúc bằng ㄹ	≡ bị lược	만들다 → 만드네요
Quá khứ	-았/었네요	가다 → 갔네요
이다	-(이)네요	학생이네요
Thân mật	-네	좋네
Không dùng cho	sự thật đã biết, kế hoạch	내일 비가 오네요 nghe không đúng

Khi nào dùng

-네요 gắn thẳng vào gốc từ, chỉ có một ngoại lệ: gốc từ kết thúc bằng ㄹ thì bỏ ㄹ, nên 만들다 thành 만드네요. Quá khứ và các thì khác đặt phía trước: 갔네요, 좋았네요.

Ý nghĩa chính là sự phát hiện. 날씨가 좋네요 có nghĩa là bạn vừa nhìn ra ngoài và nhận ra điều đó. Nói 날씨가 좋아요 thì bạn chỉ đang thông báo một sự thật mình đã biết từ trước.

Vì phụ thuộc vào tính tức thời, nó không hợp với kế hoạch và dự đoán. Với điều bạn đã biết từ lâu, hoặc với thời tiết ngày mai, đừng dùng nó. Nó còn mang sắc thái tán thưởng, nên là cách khen tự nhiên: 한국어를 잘하시네요.

Ví dụ trong câu

1 오늘 날씨가 정말 좋네요.

Ồ, hôm nay trời đẹp quá.

2 한국어를 잘하시네요.

Bạn nói tiếng Hàn giỏi quá!

3 벌써 다 왔네요.

Đến nơi rồi à, nhanh thật.

4 생각보다 비싸네요.

Đắt hơn tôi nghĩ.

5 집이 머네요.

Nhà bạn khá xa nhỉ.

6 어제 비가 왔네요.

Thì ra hôm qua trời mưa.

So sánh với

-군요

Cả hai đều đánh dấu sự nhận ra. -네요 là điều bạn thốt lên khi nhận thấy điều gì; -군요 nghe có suy xét hơn một chút, như thể bạn vừa suy ra được, và xuất hiện nhiều hơn trong văn viết.

비가 오네요. (khi nhìn ra cửa sổ) / 비가 오는군요. (thì ra vì thế mà đường ướt)

-지요?

Trái ngược nhau về mặt thông tin. -네요 nói rằng điều này mới với tôi; -지요? nói rằng cả hai chúng ta đều đã biết.

날씨가 좋네요. (tôi vừa nhận ra) / 날씨가 좋지요? (bạn cũng thấy vậy, đúng không?)

-아요/어요

Đuôi cơ bản chỉ nêu sự việc; -네요 thể hiện phản ứng. Dùng đuôi cơ bản ở chỗ người Hàn sẽ dùng -네요 nghe nhạt nhẽo chứ không sai.

사람이 많아요. (có nhiều người) / 사람이 많네요. (ồ, đông người quá)

Lưu ý

✗ 음식을 잘 만들네요.

○ 음식을 잘 만드네요.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bỏ ㄹ trước -네요, giống như trước -(으)세요 và -입니다.

✗ 내일 비가 오네요.

○ 내일 비가 오겠네요.

-네요 thuật lại điều bạn đang nhận thấy. Với ngày mai, hãy thêm -겠- để câu mang nghĩa suy đoán mới chứ không phải quan sát trực tiếp.

✗ 제 이름은 마이클이네요.

○ 제 이름은 마이클이에요.

Bạn không thể phát hiện ra tên của chính mình. Chỉ dùng -네요 cho thông tin mới với bạn ngay lúc nói.